



zuò mèng

做梦

Verb · to dream

Example Sentence

shuì jiào de shí hòu tā cháng cháng zuò mèng

睡觉的时候，他常常做梦。

He often dreams when he sleeps.

Trace each character, then write the word on your own.

做	做	做	做	做	做	做	做	做	做	做
做	做	做								
梦	梦	梦	梦	梦	梦	梦	梦	梦	梦	梦
梦	梦	梦								